



Phát huy vai trò của lực lượng công an phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh trong phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường

NGUYỄN HỒNG THUYỀN

Học viện Cảnh sát nhân dân

Phường Vũng Áng là địa bàn có tính chất đặc thù với sự tập trung của nhiều khu công nghiệp, cảng biển và các dự án trọng điểm quốc gia như Khu kinh tế Vũng Áng, Nhà máy Nhiệt điện và Khu liên hợp Gang thép Formosa Hà Tĩnh. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng đã tạo ra áp lực lớn lên môi trường tự nhiên, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các vi phạm như xả thải vượt quy chuẩn, ô nhiễm nguồn nước, không khí và tiếng ồn, cùng với lượng dân nhập cư đông tạo nên sự đa dạng, phức tạp trong quản lý.

Lực lượng Công an phường đóng vai trò tuyến đầu trong nắm tình hình, phát hiện, xử lý vi phạm và tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho người dân và doanh nghiệp. Bài báo nhằm làm rõ kết quả, những hạn chế và đề xuất giải pháp để tiếp tục phát huy vai trò của lực lượng Công an phường Vũng Áng, góp phần bảo đảm phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường bền vững.

1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG VŨNG ÁNG, TỈNH HÀ TĨNH

Phường Vũng Áng thuộc thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, nằm ở cực Nam của tỉnh, tiếp giáp biển Đông với đường bờ biển dài, đồng thời là cửa ngõ phía Bắc của Khu kinh tế (KKT): Vũng Áng - một trong những khu kinh tế trọng điểm quốc gia. Trên địa bàn tập trung nhiều dự án công nghiệp quy mô lớn như Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh, các nhà máy nhiệt điện, cảng biển, kho bãi và dịch vụ logistics. Vị trí địa lý vừa giáp biển, vừa là trung tâm công nghiệp - cảng biển đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế nhưng cũng làm gia tăng nguy cơ vi phạm pháp luật về môi trường, nhất là các hành vi xả thải công nghiệp ra biển, ô nhiễm không khí và bụi than từ hoạt động vận tải, cũng như các vi phạm trong quản lý, sử dụng tài nguyên ven biển.

Đặc biệt, phường Vũng Áng, thuộc KKT Vũng Áng - trung tâm công nghiệp nặng và cảng biển của tỉnh Hà Tĩnh - hiện tập trung mật độ lớn các dự án công nghiệp quy mô quốc gia và quốc tế. Tính đến tháng 9 năm 2025, toàn KKT Vũng Áng có 156 dự

án đầu tư còn hiệu lực, gồm 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký khoảng 16 tỷ USD và 100 dự án trong nước với tổng vốn hơn 85.054 tỷ đồng, tạo việc làm cho trên 20.000 lao động. Trên địa bàn phường Vũng Áng nổi bật là Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh (vốn đầu tư giai đoạn I hơn 10 tỷ USD, công suất thiết kế 10 triệu tấn thép/năm), Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (1.200 MW, vốn gần 2 tỷ USD), cùng các dự án năng lượng và sản xuất lớn như Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2, Nhà máy sản xuất pin VinES, các khu cảng biển và khu công nghiệp phụ trợ. Quy mô và phạm vi công nghiệp đặc biệt lớn này không chỉ đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế mà còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh vi phạm pháp luật về môi trường[4;5].

2. TÌNH HÌNH VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG VŨNG ÁNG, TỈNH HÀ TĨNH

Theo số liệu thống kê của Công an phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn từ năm 2022 – 2025 trên địa bàn phường Vũng Áng đã xảy ra 45 vụ vi phạm pháp luật về môi trường với tổng số tiền phạt trên 3,6 tỷ đồng. Các vi phạm pháp luật về môi trường tại Vũng Áng chủ yếu liên quan đến xả thải trái phép và không tuân thủ quy định về quản lý chất thải như: Xả nước thải vượt quy chuẩn ra môi trường (ví dụ: Xả thải chưa qua xử lý hoặc vượt giới hạn cho phép vào sông, biển); Quản lý chất thải rắn không đúng quy định (chôn lấp chất thải rắn, chất thải nguy hại trái phép hoặc không có hệ thống thu gom, xử lý đạt chuẩn); Không có giấy phép môi trường hoặc vi phạm về hồ sơ thủ tục môi trường. Nhiều doanh nghiệp vận hành dự án mà chưa được cấp giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hoặc thiếu các thủ tục đánh giá tác động môi trường cần thiết; Thải khí, bụi vượt chuẩn hoặc gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn: Tuy ít phổ biến hơn nước thải, nhưng tại Vũng Áng cũng ghi nhận vi phạm về khí thải công nghiệp (như bụi, khí độc vượt quy chuẩn) và tiếng ồn vượt mức cho phép, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh[1].



Tàu không phép nạo vét tại dự án của nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. (Nguồn: giaoducthoidai.vn)

Điển hình: Tháng 5/2024, tại vùng biển phục vụ Dự án Nhiệt điện Vũng Áng II (KKT Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh), cơ quan chức năng phát hiện tàu Đức Thịnh 88 tiến hành nạo vét và bơm vật liệu nạo vét lên bờ khi chưa được cấp phép, vi phạm quy định quản lý hoạt động nạo vét. Chủ tàu bị xử phạt hành chính 30 triệu đồng, qua đó cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường biển nếu không kiểm soát chặt chẽ chất thải nạo vét[3].

3. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN PHƯỜNG VŨNG ÁNG, TỈNH HÀ TĨNH

Trong năm 2025, đơn vị đã tham mưu cho UBND phường ban hành 08 kế hoạch và 05 văn bản chỉ đạo về quản lý, bảo vệ môi trường; phối hợp với Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Hà Tĩnh tiến hành 12 đợt kiểm tra liên ngành, phát hiện và kiến nghị xử lý 10 vụ vi phạm. Công tác tuyên truyền được thực hiện đa dạng về hình thức như tổ chức 15 buổi tuyên truyền trực tiếp tại các tổ dân phố và doanh nghiệp với hơn 1.500 lượt người tham gia, phát hành 2.500 tờ rơi và 15 tin, bài trên loa truyền thanh và mạng xã hội, tập trung vào các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và chế tài xử lý hành vi xả thải trái phép. Đồng thời, lực lượng Công an phường đã vận động quần chúng cung cấp 11 nguồn tin có giá trị, giúp kịp thời phát

hiện, ngăn chặn các vụ việc liên quan đến xả thải công nghiệp và quản lý chất thải không đúng quy định, góp phần giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp, bảo đảm phát triển kinh tế bền vững trên địa bàn [1].

Tuy nhiên, các mặt công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng Công an phường Vũng Áng trong giai đoạn vừa qua vẫn chưa được triển khai mạnh mẽ, quyết liệt. Vẫn chủ yếu dừng lại công tác nắm tình hình có liên quan đến phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường trên địa bàn; các mặt công tác nghiệp vụ chuyên sâu khác chưa được tiến hành dẫn đến việc nhận diện, phòng ngừa, phát hiện, xử lý các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật còn hạn chế.

4. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN PHƯỜNG VŨNG ÁNG, TỈNH HÀ TĨNH

Mặc dù đã triển khai nhiều biện pháp và đạt được những kết quả tích cực, công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường của lực lượng Công an phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

Về công tác phòng ngừa vi phạm pháp luật về môi trường của lực lượng Công an phường Vũng Áng: Hoạt động nắm tình hình, dự báo, tham mưu chưa thật sự sâu sát, chưa bao quát hết các lĩnh vực, ngành nghề có nguy cơ cao gây ô nhiễm; Hình thức tuyên



truyền, vận động quần chúng còn thiếu sự đổi mới, chưa tạo được sức lan tỏa mạnh; Các mặt công tác nghiệp vụ chưa được triển khai đồng bộ, xuyên suốt phục vụ phòng ngừa.

Về công tác phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường của lực lượng Công an phường Vũng Áng: Việc nắm bắt, thu thập thông tin về vi phạm chưa thực sự toàn diện, còn phụ thuộc nhiều vào phản ánh của người dân; Tần suất kiểm tra, giám sát chưa đáp ứng yêu cầu so với mật độ và quy mô hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; Khả năng phát hiện các vi phạm tinh vi, sử dụng công nghệ cao còn hạn chế.

Về tổ chức lực lượng Công an phường Vũng Áng trong phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường biên chế mỏng, số cán bộ trực tiếp phụ trách lĩnh vực môi trường không nhiều và chủ yếu kiêm nhiệm, dẫn đến áp lực công việc lớn và khó bao quát toàn bộ các lĩnh vực, ngành nghề tiềm ẩn nguy cơ vi phạm trên địa bàn. Trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ về môi trường của một số cán bộ chưa thật sự sâu, nhất là trong việc phát hiện, thu thập chứng cứ đối với các hành vi vi phạm về môi trường tinh vi.

Về quan hệ phối hợp với các lực lượng trong và ngoài ngành Công an phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường còn thiếu tính thường xuyên, chặt chẽ; cơ chế trao đổi thông tin đôi khi chưa kịp thời, chưa đồng bộ, dẫn đến việc xử lý một số vụ việc chưa đạt hiệu quả cao. Hoạt động phối hợp kiểm tra, giám sát liên ngành còn hạn chế về tần suất và phạm vi, nhất là đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm cao trong Khu kinh tế Vũng Áng.

5. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN PHƯỜNG VŨNG ÁNG, TỈNH HÀ TĨNH

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế và đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới, lực lượng Công an phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, nâng cao hiệu quả công tác nắm tình hình bằng cách xây dựng kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các hoạt động xả thải, quản lý chất thải, khai thác tài nguyên, tuân thủ giấy phép môi trường và vận hành hệ thống xử lý của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn phường Vũng Áng. Lực lượng Công an phường cần đa dạng hóa phương thức thu thập thông tin từ công tác nghiệp vụ trinh sát, quần chúng nhân dân, phương tiện thông tin đại chúng. Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, tiến hành phân tích, so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và hồ sơ pháp lý của

cơ sở để nhận diện sớm những dấu hiệu vi phạm hoặc nguy cơ phát sinh vi phạm, từ đó chủ động đề xuất biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời.

Hai là, lực lượng Công an phường Vũng Áng tăng cường công tác nắm tình hình để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về môi trường, bảo đảm tính nghiêm minh và răn đe. Quá trình xử lý cần bám sát quy định của pháp luật, áp dụng đầy đủ các chế tài hành chính hoặc hình sự tùy theo tính chất, mức độ vi phạm; đồng thời công khai kết quả xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại địa bàn cơ sở nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, phòng ngừa tái phạm và lan tỏa thông điệp về bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

Ba là, Công an phường Vũng Áng cần thành lập tổ công tác chuyên trách về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, bảo đảm lực lượng này có chuyên môn sâu, am hiểu pháp luật và nghiệp vụ môi trường. Tổ công tác phải được bố trí cán bộ có năng lực, được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về kỹ năng kiểm tra, giám sát, thu thập chứng cứ và xử lý vi phạm; đồng thời được trang bị các phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết để phục vụ hiệu quả công tác phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm trên địa bàn.

Bốn là, thường xuyên phối hợp với các lực lượng trong và ngoài ngành Công an như Phòng PC03, Phòng PC08, Công an các phường giáp ranh; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Vũng Áng, Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, Hải quan, Bộ đội Biên phòng và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu, hỗ trợ nghiệp vụ trong phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường. Việc phối hợp cần được thực hiện theo cơ chế rõ ràng, định kỳ tổ chức các đợt kiểm tra liên ngành, đột xuất tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ cao gây ô nhiễm, đồng thời kịp thời xử lý triệt để các vụ việc phát hiện, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và đồng bộ trong công tác bảo vệ môi trường■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Công an phường Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
3. <https://giaoducthoidai.vn/tau-khong-phep-nao-vet-tai-du-an-cua-nha-may-nhiet-dien-vung-ang-ii-post686168.html>.
4. <https://hatinh.gov.vn/dau-tu/tin-bai/26372/185-du-an-dau-tu-tai-2-khu-kinh-te-cua-ha-tinh>.
5. <https://vneconomy.vn/mo-rong-khu-kinh-te-vung-ang-gan-voi-khu-thuong-mai-tu-do.html>.



**XÂY DỰNG KHUNG HÀNH ĐỘNG DU LỊCH XANH ĐẾN
NĂM 2030**

Trong bối cảnh yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, chuyển đổi xanh đã trở thành xu hướng tất yếu của ngành du lịch Việt Nam. Trước yêu cầu đó, Cục Du lịch quốc gia Việt Nam đang xây dựng Khung hành động du lịch xanh đến năm 2030, nhằm định hướng lộ trình tổng thể, đồng bộ, đưa du lịch xanh từ nhận thức sang hành động cụ thể trong thực tiễn.

Khung hành động hướng tới mục tiêu thúc đẩy chuyển đổi xanh toàn diện trong ngành du lịch, qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam, đồng thời bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, BVMT và gìn giữ các giá trị văn hóa – xã hội. Một trong những trọng tâm được nhấn mạnh là phát triển du lịch xanh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn bảo tồn văn hóa, tài nguyên thiên nhiên với cải thiện sinh kế và nâng cao đời sống người dân địa phương.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, Khung hành động xác định ba trụ cột trọng tâm: xây dựng hệ thống công cụ thúc đẩy du lịch xanh; đổi mới thể chế, chính sách; hỗ trợ triển khai và lan tỏa du lịch xanh trong thực tiễn. Với cách tiếp cận tổng thể, có lộ trình rõ ràng, Khung hành động du lịch xanh đến năm 2030 được kỳ vọng sẽ tạo chuyển biến thực chất, góp phần đưa du lịch Việt Nam phát triển theo hướng xanh, bền vững và hội nhập sâu rộng.

NAM VIỆT

**CÔNG BỐ KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC
TRÊN LƯU VỰC SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH
MÙA CẠN NĂM 2025 - 2026**

Bộ NN&MT đã ban hành Quyết định số 4822/QĐ-BNNMT ngày 14/11/2025 về việc công bố Kịch bản nguồn nước (KBNN) trên lưu vực sông (LVS) Hồng - Thái Bình mùa cạn năm 2025 - 2026. Kỳ công bố KBNN được tính toán, đánh giá từ tháng 11/2025 - 6/2026.

Nguồn nước cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng

Trên cơ sở hiện trạng, dự báo khí tượng thủy văn, xu thế diễn biến nguồn nước của 7 hồ chứa lớn, 30 hồ và cụm hồ chứa có dung tích từ 5 triệu m³ trở lên, cùng các tiểu lưu vực sông và tầng chứa nước dưới đất cho thấy, khả năng nguồn nước trên LVS Hồng - Thái Bình trong mùa cạn 2025 - 2026 được đánh giá ở trạng thái bình thường. Nguồn nước cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho mục đích sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, thủy điện, công nghiệp và các yêu cầu về an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, đồng thời giảm thiểu rủi ro thiếu nước do khai thác, sử dụng không hiệu quả.

Đối với 7 hồ chứa lớn, tổng dung tích dự kiến đạt khoảng 27,6 tỷ m³ vào ngày 1/1/2026 trước thời kỳ đồ ải, giảm còn 24 tỷ m³ sau thời kỳ đồ ải (ngày 1/3/2026) và dao động từ 22,1 - 22,6 tỷ m³ vào ngày 1/4/2026 đầu thời kỳ nắng nóng cao điểm. Nguồn nước này cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, nông

ng nghiệp, giao thông thủy, môi trường và phát điện. Tuy nhiên, trong trường hợp nhu cầu phát điện tăng cao vào các tháng 4 - 6/2026 hoặc khi xảy ra thiếu hụt nguồn điện khác, hồ chứa có nguy cơ chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu hạ du.

Trên các tiểu LVS như Đà, Lô - Gâm, Thao, Cầu - Thương và vùng đồng bằng sông Hồng, nguồn nước cũng ở trạng thái bình thường. Một số khu vực cục bộ có nguy cơ thiếu nước do lượng mưa dự báo thiếu hụt trong các tháng 1, tháng 2, tháng 5/2026, đồng thời một số hồ nhỏ và công trình thủy lợi chưa đồng bộ cũng góp phần làm tăng nguy cơ này, ảnh hưởng chủ yếu đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.

Nguồn nước dưới đất từ tháng 11/2025 - 6/2026 cơ bản ổn định, đảm bảo cấp nước cho các công trình khai thác trên toàn vùng đồng bằng sông Hồng. Tại Hà Nội, mực nước trung bình ở các giếng dao động từ 12,8 - 34,5 m, đảm bảo tổng lưu lượng khai thác 140.500 m³/ngày, đêm, trong đó một số công trình gần tiệm cận ngưỡng mực nước động cho phép. Tại Hưng Yên, mực nước dự báo từ 3,9 - 16,8 m, đảm bảo khai thác 63.490 m³/ngày, đêm và tại Bắc Ninh, mực nước dao động khoảng 2,1 - 32,8 m, đảm bảo tổng lưu lượng 47.650 m³/ngày, đêm, một số giếng gần giới hạn cho phép.

Xây dựng kế hoạch sử dụng nước phù hợp với kịch bản

Theo kịch bản, nguồn nước trên LVS Hồng - Thái Bình cơ bản đáp ứng nhu cầu mùa cạn 2025 - 2026. Nguy cơ thiếu nước cục bộ có thể xảy ra ở một số tiểu lưu vực, hồ nhỏ và khu vực khai thác tập trung, đặc biệt trong các tháng nắng nóng cao điểm hoặc khi xuất hiện sự cố nguồn điện, ô nhiễm nước. Do đó, việc vận hành hồ chứa linh hoạt, khai thác nước dưới đất hợp lý, sử dụng tiết kiệm nước và giám sát chặt chẽ các khu vực trọng điểm là cần thiết để đảm bảo cấp nước đầy đủ cho mục đích sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và phát triển công nghiệp, đặc biệt là tại vùng đồng bằng sông Hồng.

Để giảm thiểu nguy cơ thiếu nước, Bộ NN&MT đề nghị các đơn vị trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành, địa phương liên quan chủ động lập kế hoạch khai thác, sử dụng nước (SDN) theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, dự phòng cho những tháng cuối mùa cạn. Trong đó, Cục Quản lý TNN, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (Bộ NN&MT) có nhiệm vụ theo dõi, cập nhật KBNN; điều hòa, phân phối TNN; báo cáo định kỳ và hướng dẫn địa phương triển khai biện pháp SDN tiết kiệm, hiệu quả. Các Cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với KBNN; Cục Khí tượng Thủy văn theo dõi, cảnh báo các khu vực có nguy cơ hạn hán và thiếu nước.

Bộ Công Thương vận hành linh hoạt các hồ chứa thủy điện lớn, điều chỉnh cơ cấu nguồn điện, bảo đảm cân đối nguồn nước cho các mục tiêu sử dụng đa mục tiêu; lượng nước đồ ải năm 2026 được khuyến nghị từ 3,2 - 3,7 tỷ m³; duy trì sản lượng thủy điện theo dự kiến hoặc tăng nhưng không vượt mức trung bình giai đoạn 2015 - 2025, đảm bảo khả năng đáp ứng cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, an ninh lương thực và năng lượng. Đặc biệt, việc đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho vùng đồng bằng sông Hồng là ưu tiên hàng đầu, do đó, Bộ Xây dựng và UBND các tỉnh khẩn trương rà soát, nâng cao hiệu



quả vận hành các nhà máy nước sạch và kiểm soát việc xả thải vào nguồn nước thô. Việc khai thác nước dưới đất cần được giám sát chặt chẽ; kịp thời xây dựng danh mục vùng hạn chế khai thác; kết hợp khai thác nước mặt, nước dưới đất và tích trữ nước mưa để đảm bảo nguồn nước liên tục, ổn định, an toàn cho nhân dân.

Về phía địa phương, phối hợp với Bộ NN&MT tối ưu hóa khai thác nước từ hồ chứa, kênh mương, trạm bơm đã chiến, nạo vét, cải tạo công trình thủy lợi và vận hành hệ thống thủy lợi nội đồng để tăng hiệu quả SDN. Vùng đồng bằng sông Hồng chú trọng nâng cao khả năng lấy nước, kiểm soát xâm nhập mặn, tận dụng triều cường để tích trữ nước và vận hành các hồ chứa thủy điện, hỗ trợ gieo cấy vụ Đông Xuân đảm bảo tiết kiệm, hợp lý. Đối với những vùng có nguy cơ thiếu nước cục bộ (Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Ninh Bình, Hưng Yên), cần theo dõi diễn biến nguồn nước, chủ động cắt giảm diện tích gieo trồng, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, sử dụng nguồn nước dự phòng và tăng cường tích trữ nước mưa.

NGUYỆT MINH

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

Bộ Công Thương vừa ban hành Quyết định số 3637/QĐ-BCT ngày 15/12/2025 về Kế hoạch hành động nhằm triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 4/9/2025 phê duyệt Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường (CNMT) Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030.

Theo đó, ngành Công Thương sẽ huy động sự tham gia một cách thiết thực, chủ động từ các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức, người lao động trong những hoạt động liên quan đến phát triển ngành CNMT. Đồng thời, cụ thể hóa nội dung và phân công các đơn vị thuộc Bộ tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 1894/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; huy động sự phối hợp chặt chẽ từ Sở Công Thương các tỉnh/thành phố trên phạm vi cả nước cũng như Tổng Công ty và doanh nghiệp trong phát triển ngành CNMT.

Quyết định cũng yêu cầu việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động phải được triển khai sâu rộng trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể của ngành Công Thương với nội dung, hình thức phong phú, thiết thực, hiệu quả. Trên cơ sở những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc của việc phát triển ngành CNMT, đề xuất các nhiệm vụ cụ thể nhằm tháo gỡ vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai hiệu quả theo yêu cầu Quyết định số 1894/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cùng với đó, vừa tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động, vừa kết hợp tuyên truyền, phổ biến về những nỗ lực của ngành Công Thương trong phát triển ngành CNMT.

Về tổ chức thực hiện, Bộ Công Thương giao Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là đơn vị đầu mối chủ trì,

phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ triển khai thực hiện Kế hoạch, hàng năm tổng hợp tình hình, báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương; định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Sở Công Thương các tỉnh, thành phố căn cứ đặc thù tại địa phương, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình và chủ động đề xuất lãnh đạo bố trí nguồn ngân sách cũng như nguồn huy động hợp pháp khác để thực hiện. Các Tổng công ty, doanh nghiệp thuộc Bộ chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải pháp có liên quan nhằm triển khai nội dung của Kế hoạch hành động một cách thống nhất, hiệu quả, góp phần hiện thực hóa mục tiêu Chương trình phát triển ngành CNMT Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030 đề ra. Về phía Hiệp hội CNMT Việt Nam, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương tập trung đẩy mạnh phát triển ngành CNMT theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

HOÀNG ĐÀN

ĐẨY MẠNH QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU CÁC SẢN PHẨM NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2025-2030

Chương trình đẩy mạnh quảng bá thương hiệu các sản phẩm ngành nông nghiệp và môi trường (NN&MT) ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030 được Bộ NN&MT ban hành tại Quyết định số 4809/QĐ-BNNMT, ngày 14/11/2025, nhằm xây dựng hình ảnh sản phẩm ngành NN&MT ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới và chuyển đổi số; nâng cao uy tín và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm NN&MT gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và thế giới. Nâng cao nhận thức, nhận diện giá trị và chất lượng sản phẩm NN&MT ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới và chuyển đổi số của người tiêu dùng, hướng tới thói quen tiêu dùng xanh, bền vững...

Chương trình đề ra mục tiêu cụ thể đến năm năm 2030, có ít nhất 70% sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới đáp ứng các tiêu chuẩn trong và ngoài nước, có nhận diện thương hiệu và truy xuất nguồn gốc số; 100% các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại được số hóa, áp dụng công nghệ mới (AI, Big Data, Blockchain...) để nâng cao hiệu quả quảng bá thương hiệu; khoảng 70% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất NN&MT được tiếp cận các chương trình đào tạo, tập huấn về xây dựng, quản trị thương hiệu và quảng bá trên nền tảng số.

Để thực hiện mục tiêu trên, Chương trình đề ra một số nội dung cần thực hiện: (1) Quán triệt chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về sản phẩm ngành NN&MT ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới và chuyển đổi số tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 của



Chính phủ về phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững; (2) Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển sản phẩm ngành NN&MT ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới và chuyển đổi số, chú trọng hỗ trợ quảng bá thương hiệu, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; (3) Đẩy mạnh đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển sản phẩm ngành NN&MT ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới và chuyển đổi số; (4) Tăng cường quảng bá, nhận diện thương hiệu sản phẩm ngành NN&MT ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới và chuyển đổi số...

TRUNG HIẾU

ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON VÀ BẢO VỆ TĂNG Ô-DÔN

Bộ NN&MT vừa có Văn bản số 9389/BNNMT-BĐKH ngày 20/11/2025 gửi các địa phương về việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK), phát triển thị trường các-bon và bảo vệ tầng ô-dôn.

Trong đó, với một số nhiệm vụ chủ yếu thuộc phạm vi quản lý nhà nước trên địa bàn về giảm nhẹ phát thải KNK, Bộ NN&MT đề nghị UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc có liên quan định kỳ hai năm/lần rà soát số liệu tiêu thụ năng lượng, công suất, quy mô của cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phải thực hiện kiểm kê KNK của năm liền trước năm thực hiện rà soát. Với đề xuất cập nhật, điều chỉnh danh mục cơ sở phát thải KNK phải kiểm kê trên địa bàn theo tiêu chí quy định, các địa phương gửi Bộ NN&MT trước ngày 30/6 hàng năm để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

Về phía địa phương, phối hợp với Bộ NN&MT triển khai thực hiện quy định về tăng cường hấp thụ KNK trong thu thập số liệu, tính toán mức hấp thụ tại các vùng sinh thái và theo từng tỉnh, thành phố. Trên cơ sở đó, tổng hợp số liệu vào báo cáo kết quả kiểm kê cấp lĩnh vực để phục vụ công tác theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động tăng cường hấp thụ KNK từ quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối, chất lượng, mức hấp thụ từ rừng theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên phạm vi cả nước.

Bên cạnh đó, UBND các tỉnh/thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải của những cơ sở thuộc diện phải thực hiện kiểm kê KNK trên địa bàn; cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu phục vụ công tác đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải cấp quốc gia và cấp lĩnh vực, gửi Bộ NN&MT theo quy định. Địa phương tiếp nhận, rà soát, tổng hợp kết quả giảm nhẹ phát thải của những cơ sở thuộc diện kiểm kê, gửi Bộ NN&MT trước ngày 30/6 hàng năm, bắt đầu từ năm 2027.

Ngoài ra, UBND các tỉnh/thành phố tiếp nhận, rà soát, tổng hợp kết quả kiểm kê KNK của các cơ sở trên địa bàn, gửi

Bộ NN&MT và các bộ quản lý lĩnh vực trước ngày 30/6 hàng năm; phối hợp cung cấp số liệu phục vụ xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải cấp lĩnh vực; tham gia triển khai và theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải của các cơ sở thuộc diện kiểm kê KNK trên địa bàn quản lý.

TRUNG HIẾU

CÀ MAU: CHUYỂN ĐỔI NGHỀ KHAI THÁC THỦY SẢN THEO HƯỚNG TÍCH HỢP, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Ngày 5/12/2025, Sở NN&MT tỉnh Cà Mau có Công văn số 6221/SNNMT-CCTS gửi Sở Tài chính xin ý kiến về việc trình UBND tỉnh chủ trương xây dựng Đề án “Chuyển đổi nghề khai thác thủy sản gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản và đảm bảo sinh kế ngư dân trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”. Đây là đề án tích hợp mới, được xây dựng trên cơ sở hợp nhất nhiệm vụ của hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu trước khi sáp nhập, nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ trong quản lý nghề cá và các chính sách hỗ trợ ngư dân trên địa bàn tỉnh mới.

Một trong những mục tiêu quan trọng của Đề án là tổ chức lại lực lượng khai thác trên biển để rà soát và cắt giảm 100% tàu khai thác theo nghề cấm, nghề có tính hủy diệt nguồn lợi như cào bờ, xiệp, te, lủ bát quái... vào năm 2030. Song song đó, tỉnh sẽ giảm dần cường độ khai thác tại vùng lõng và vùng khơi, đưa đội tàu trở về mức ngưỡng sinh học cho phép. Mỗi năm, tổng số tàu cá sẽ được cắt giảm tối thiểu 1,5% đối với vùng khơi, 4% đối với vùng lõng và 5% đối với vùng ven bờ.

Bên cạnh việc quản lý đội tàu, Đề án đặc biệt chú trọng đến sinh kế ngư dân. Dự kiến sẽ có khoảng 3.000 lao động nghề cá chịu ảnh hưởng trực tiếp và được hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm. Nhiều mô hình sinh kế mới sẽ được xây dựng, nhân rộng tại các địa bàn trọng điểm như Sông Đốc, Gành Hào, Khánh Hội, Cái Cù... Các mô hình khai thác thân thiện với nguồn lợi như lưới ghẹ, bẫy ốc mực, câu kiểu, lưới rê hỗn hợp tiếp tục được khuyến khích. Ngoài ra, Đề án cũng định hướng hỗ trợ chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản như nuôi hàu, vẹm xanh, cá bóp lông bẹ và nuôi mực lá thương phẩm; thúc đẩy phát triển mô hình dịch vụ, du lịch gắn với cộng đồng ngư dân. Theo đó, một số mô hình như tàu cá kết hợp du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm nghề cá sẽ được thí điểm tại khu vực cửa biển lớn, gồm Gành Hào, Đá Bạc, Đất Mũi. Đối với những vùng có rừng ngập mặn, tỉnh sẽ thí điểm giao khoán bảo vệ rừng gắn với mô hình tôm - rừng, cua - rừng nhằm tạo thêm sinh kế bền vững.

Đề án chuyển đổi nghề khai thác thủy sản theo hướng tích hợp và dài hạn được kỳ vọng sẽ tạo ra bước chuyển mạnh mẽ cho ngành thủy sản địa phương, vừa bảo vệ nguồn lợi biển, vừa đảm bảo sinh kế bền vững cho ngư dân. Đây sẽ là nền tảng quan trọng để ngành kinh tế biển của tỉnh phát triển ổn định, hiện đại và thân thiện với môi trường.

AN VI



HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH TRỒNG RAU, CỦ AN TOÀN CỦA HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP BA CHỮ

Rau xanh là thực phẩm thiết yếu phục vụ bữa ăn hàng ngày cho mọi gia đình. Với dân số khoảng 8,5 triệu người, Thủ đô Hà Nội là thị trường tiêu thụ rau lớn nhất miền Bắc. Trong đó, xã Phúc Thịnh nổi tiếng là nơi chuyên canh sản xuất rau an toàn lớn của Thủ đô. Ở xã Phúc Thịnh trước đây, bà con trồng rau thường phụ thuộc thương lái, dễ rơi vào tình trạng được mùa rớt giá. Nay, nhờ tham gia Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chữ, mọi thứ đã khác. Với tiêu chí hạn chế tối đa thuốc bảo quản thực vật cho rau, củ, không sử dụng nguồn nước ô nhiễm tưới tiêu, sử dụng bao nilông bảo vệ phân ủ... nên các sản phẩm rau, củ an toàn của Hợp tác xã luôn được tiêu thụ hết ngay tại ruộng. Có được thành công trên là bởi Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chữ đã quy hoạch và triển khai sản xuất nông nghiệp bài bản theo mô hình kiểm soát, quản lý theo chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.



Rau sạch Ba Chữ có địa chỉ tại xã Phúc Thịnh, TP. Hà Nội

Xã Phúc Thịnh được thành lập trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã Nam Hồng, Bắc Hồng, Văn Nội; phần lớn diện tích và dân số của Nguyên Khê, Tiên Dương; cùng một phần của thị trấn Đông Anh, Xuân Nộn, Vĩnh Ngọc, nổi tiếng là nơi có truyền thống sản xuất rau màu và là vùng rau chuyên canh lớn của Thủ đô Hà Nội. Thay vì trồng nhiều loại rau trên một vùng đất, các hợp tác xã định hướng người dân chuyên canh trồng rau an toàn. Vùng chuyên canh giúp người dân dễ quản lý, chăm sóc, điều tiết nước tưới và dễ dàng trong khâu tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, rau chuyên canh mang lại cơ hội việc làm và nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống cho các hộ nông dân. Nhắc đến việc phát triển vùng trồng rau an toàn của Phúc Thịnh không thể không nói tới Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chữ. Từ nhiều năm qua, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chữ đã liên kết với các Hợp tác xã và hộ dân có diện tích đất nông nghiệp để sản xuất rau, củ an toàn với diện tích sản xuất khoảng 20 ha, sản lượng 0,6 tấn/ngày, góp phần đem lại thu nhập ổn định cho thành viên và người dân địa phương, đồng thời đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng về nông sản an toàn, bảo vệ sức khỏe.

Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chữ được thành lập từ năm 2016 (theo Luật Hợp tác xã năm 2012), với ngành nghề

chính chuyên cung cấp các loại rau sạch trồng hữu cơ tập trung, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người sử dụng. Những ngày đầu thành lập, Hợp tác xã gặp nhiều khó khăn về đất đai, nguồn vốn và đầu mối tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, sau khi học hỏi thêm từ các Hợp tác xã đã có nhiều năm kinh nghiệm về làm rau an toàn, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chữ đã tìm được thị trường đầu ra. Hiện, Hợp tác xã có gần 150 thành viên, hoạt động theo mô hình vừa sản xuất vừa kinh doanh, với hơn 30 chủng loại sản phẩm rau chủ đạo được phân bố đều theo các mùa trong năm như: cải bắp trắng, cải tím, súp lơ, cải bó xôi, su hào, cần, cà chua, cà rốt, đậu trạch, rau cải các loại, dưa chuột, mướp, rau ngót, rau muống, rau bí, cà pháo, cà tím, lạc lè, rau gia vị, ngải cứu... cùng một số loại rau cải khác. Để cung cấp ra thị trường những sản phẩm chất lượng cao, Hợp tác xã đặc biệt coi trọng từng khâu trong quá trình sản xuất. Từ việc cấy giống, chăm bón, tưới nước, đến việc sơ chế, đóng gói... Sản phẩm rau được phân loại, cắt tỉa làm sạch và đóng gói vào túi ni lông, túi lưới, thùng nhựa... đảm bảo tuyệt đối về vệ sinh an toàn thực phẩm. Về khâu tiêu thụ, sản phẩm được phân phối rộng khắp trên thị trường dưới các hình thức như: thương lái thu mua tại đầu bờ, hợp đồng với các công ty, cửa hàng, chuỗi siêu thị để cung ứng cho người tiêu dùng. Đặc biệt, nhiều dịch vụ phân phối sản phẩm còn đưa rau tới tận tay khách hàng theo đơn đặt hàng.

Để có những sản phẩm rau xanh chất lượng cao, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chữ đã áp dụng mô hình sản xuất rau hữu cơ theo hệ thống cùng tham gia (PGS - Participatory Guarantee System) và ghi chéo nhật ký trong sản xuất. PGS được biết đến là một hệ thống đảm bảo cùng tham gia của các hộ, nhóm hộ, liên nhóm hộ giám sát chéo nội bộ theo hệ thống. Hệ thống đảm bảo này chứng thực cho người sản xuất dựa theo sự tham gia tích cực của các bên liên quan, gồm người tiêu dùng, công ty phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các đối tượng quan tâm khác. Quá trình sản xuất và thu hoạch cũng thường xuyên được giám sát, điều tra đảm bảo phát hiện, khắc phục những sai phạm nhỏ và loại bỏ ngay lập tức các nhóm sản xuất, các sản phẩm vi phạm tiêu chuẩn. Qua quá trình thử nghiệm, hoạt động nhiều năm, mô hình PGS được Hợp tác xã áp dụng khá thành công và hiệu quả giúp cho sản phẩm rau sạch, rau an toàn của Ba Chữ khẳng định được chỗ đứng trên thị trường. Theo chị Nguyễn Thị Huyền - Giám đốc Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chữ, một trong những yếu tố quan trọng để mô hình PGS triển khai thành công chính là việc ghi chép nhật ký sản xuất, nhật ký sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, từ đó giúp nông dân nhận diện, loại bỏ các loại thuốc bảo vệ thực vật không được phép sử dụng trên rau, đồng thời nhận biết những loại thuốc có gốc sinh học phù hợp trên rau...

Bên cạnh đó, với tư duy sáng tạo, các thành viên Hợp tác xã còn phát kiến và sử dụng nhiều máy móc hỗ trợ trong quá trình chăm sóc cây trồng như: máy tưới nước xoay tròn, bình phun tầm thấp... Ngoài ra, hầu hết các "vựa" rau đều sử dụng màng bóng vòm để tránh tối đa những tác hại của thời tiết đến cây trồng, giảm sâu bệnh hại. Việc thay đổi tư duy, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong nông nghiệp là một bước đi thành công của Hợp tác xã sản xuất



nông nghiệp Ba Chũ. Đặc biệt, mô hình rau an toàn đem lại hiệu quả rất cao, thời gian sinh trưởng của rau chỉ mất từ 20-25 ngày, rút ngắn được 10-15 ngày theo phương thức thủ công.

Ngoài ra, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chũ còn sử dụng công nghệ sinh học để kiểm soát sâu bệnh và cỏ dại thay vì sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật hóa học, nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và giảm thiểu ô nhiễm đất và nước, duy trì cân bằng sinh thái trong khu vực canh tác. Hợp tác xã cũng thực hiện nghiêm ngặt công tác phân loại rác thải ngay từ nguồn, với các thùng rác chuyên dụng cho rác hữu cơ, rác tái chế và rác không tái chế. Rác hữu cơ được ủ phân vi sinh, sử dụng trong nông nghiệp. Các vật liệu như nhựa, kim loại được tái chế hoặc xử lý đúng quy định.

Không chỉ hướng đến những sản phẩm an toàn, từ năm 2019, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chũ còn mạnh dạn đăng ký tham gia chương trình OCOP của Thành phố Hà Nội. Sau hơn 3 năm, Hợp tác xã có 11 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 3 sao, bao gồm rau cải chíp, rau cải ngồng, rau cải xanh, cải bó xôi, rau mùng tơi, xà lách xoăn, rau muống... Việc các sản phẩm rau của Hợp tác xã đạt chất lượng 3 sao của Thành phố cũng đã giúp Hợp tác xã nâng cao uy tín, từ đó tạo động lực cho các thành viên của Hợp tác xã có thêm động lực sản xuất rau an toàn và nâng cao thu nhập cho các xã viên.



Rau, củ của Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chũ không dùng chất kích thích sinh trưởng, không dùng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, không dùng thuốc trừ cỏ, không có dư lượng kim loại nặng, không có dư lượng nitrat

Ba Chũ hôm nay không chỉ là mô hình kinh tế nông nghiệp hiệu quả mà còn là minh chứng rõ nét cho sức sống mới của nông thôn, nơi mỗi luống rau không chỉ tạo ra thu nhập mà còn gieo niềm tin và khát vọng đổi đời. Tại đây, những người nông dân từ chỗ chỉ gắn với ruộng đồng đã trở thành chủ lực kinh tế của gia đình. Mỗi sào đất, mỗi luống rau an toàn khẳng định rằng nông nghiệp ứng dụng công nghệ hoàn toàn có thể đem lại thu nhập cao, giúp người nông dân làm giàu trên chính quê hương. Câu chuyện của Ba Chũ cho thấy, khi nông dân được tiếp cận khoa học kỹ thuật, có Hợp tác xã làm điểm tựa và thị trường làm mục tiêu, nông nghiệp không chỉ bảo đảm cuộc sống mà còn giúp họ vươn lên thoát nghèo, sống ấm no và hạnh phúc. Với nhiệt huyết và áp dụng thành công mô hình PGS, từng cây rau, củ của Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ba Chũ được trồng theo cam kết “5 không”: Không dùng chất kích thích sinh trưởng, không dùng thuốc bảo vệ thực vật hóa học,

không dùng thuốc trừ cỏ, không có dư lượng kim loại nặng, không có dư lượng nitrat, đang từng ngày giúp thương hiệu “Rau sạch Ba Chũ” ngày càng vươn xa hơn và tiếp tục khẳng định uy tín trên thị trường. Trong thời gian tới, Hợp tác xã tiếp tục tìm kiếm và áp dụng thêm nhiều phương pháp canh tác hiện đại, tối ưu nhất để phục vụ quy trình sản xuất, vừa tăng lợi nhuận vừa tiết kiệm thời gian, công sức của thành viên và người lao động.

TẮT LINH

HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TIỀN DƯƠNG: MÔ HÌNH ĐIỂM PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM HỮU CƠ VI SINH THEO CHUỖI LIÊN KẾT 5 NHÀ TẠI HÀ NỘI

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nông nghiệp hữu cơ (NNHC) đang trở thành xu hướng tất yếu, được nhiều địa phương, doanh nghiệp, nông dân trên cả nước hưởng ứng và thực hiện hiệu quả, nhằm hướng đến nền nông nghiệp bền vững, thân thiện với môi trường. Tại Hà Nội, Hợp tác xã (HTX) NNHC Tiên Dương (xã Đông Anh) được đánh giá là đơn vị điển hình trong hành trình chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang hữu cơ gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Ngay sau khi được thành lập ngày 19/1/2017, HTX đã bắt tay xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi gồm 5 nhà: Nhà quản lý, nhà khoa học, nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng. Từ chuỗi liên kết này, HTX đã gạt hái được những thành tựu thực tiễn thông qua việc áp dụng chế phẩm VBIO - Đa Năng trong quá trình canh tác, đặt nền móng cho một phương pháp sản xuất nông nghiệp mang tên “Giải pháp hữu cơ vi sinh Orgavina”. Đồng thời, đơn vị còn ứng dụng hiệu quả hệ thống thông tin điện tử Check.net.vn vào truy xuất nguồn gốc, ghi chép thông tin nhật ký sản xuất điện tử, quản lý luồng di chuyển sản phẩm và kết nối với người tiêu dùng qua mã Qrcode định danh. Bộ công cụ giải pháp đã mang đến lợi ích kép cho HTX, vừa góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn với sức khỏe, vừa thân thiện với môi trường, khẳng định uy tín thương hiệu và tạo công ăn, việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.

Cơ duyên với nông nghiệp hữu cơ vi sinh theo chuỗi 5 nhà và hình thành mạng lưới tiêu thụ quy mô lớn

Trên những cánh đồng ven đô Hà Nội, đã có giai đoạn người nông dân phụ thuộc nhiều vào thuốc hóa học, hệ lụy là đất bạc màu, nguồn nước bị ô nhiễm, sâu bệnh kháng thuốc, chất lượng nông sản bị thị trường đánh giá thấp. Trong bối cảnh đó, Trung tâm Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển (IDE), thuộc Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam đã đề xuất triển khai mô hình sản xuất hữu cơ vi sinh theo chuỗi liên kết 5 nhà gắn với nhật ký điện tử và truy xuất nguồn gốc CheckVN. Cùng thời điểm này, HTX NNHC Tiên Dương ra đời từ quá trình thực hiện Đề án Phát triển nông nghiệp bền vững - Ứng dụng và giải pháp của IDE, nhằm triển khai hiệu quả Kế hoạch số 383/KH-MTTW-BCĐTWCVĐ ngày 4/5/2017 của Ban Chỉ đạo Trung ương Cuộc vận động “Người



Niệt Nam ưu tiên dùng hàng Việt” năm 2017, trong đó ưu tiên thực hiện giải pháp hữu cơ vi sinh; xây dựng và phát triển nền nông nghiệp sạch, góp phần bảo đảm an toàn thực phẩm, BVMT nông thôn. Từ cơ duyên đó, HTX NNHC Tiên Dương trở thành “điểm khởi đầu” của cách làm mới theo chuỗi liên kết 5 nhà, vừa tạo ra nông sản sạch, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, vừa BVMT và cải thiện sức khỏe đất.



Thành viên HTX NNHC Tiên Dương chăm sóc rau

Những ngày đầu triển khai mô hình, HTX NNHC Tiên Dương gặp nhiều khó khăn, bởi đây là quá trình vừa làm, vừa thuyết phục, vừa chứng minh. Nhiều hộ dân đã quen canh tác hóa học, nay chuyển sang hữu cơ đồng nghĩa với việc thay đổi toàn bộ quy trình: Từ xử lý đất, chọn giống, phân bón đến ghi chép nhật ký canh tác. Đồng hành cùng bà con khi ấy là các chuyên gia của IDE và đội ngũ kỹ thuật HTX Tiên Dương, trong đó có kỹ sư Ngô Thị Hoa Diệp - người trực tiếp hướng dẫn nông dân ngoài đồng, hỗ trợ bà con tiếp cận đúng phương pháp, tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất và an toàn đến người tiêu dùng. Theo kỹ sư Hoa Diệp, hữu cơ vi sinh là cách kết hợp phân bón có nguồn gốc tự nhiên (phân chuồng, phụ phẩm nông nghiệp) với vi sinh vật có lợi nhằm nuôi dưỡng đất và cây trồng. Cách làm này giúp đất tơi xốp hơn, tăng khả năng giữ nước, hạn chế tình trạng đất bạc màu, cung cấp nhiều chất dinh dưỡng cho cây trồng sinh trưởng, phát triển và tăng khả năng kháng sâu bệnh. Bên cạnh kỹ thuật, một điểm nhấn của mô hình là nhật ký điện tử và hệ thống truy xuất CheckVN, theo đó, mỗi thửa ruộng, mỗi công đoạn sản xuất đều được ghi lại, lưu trên hệ thống, người tiêu dùng chỉ cần quét mã là có thể kiểm tra thông tin quy trình, tăng niềm tin đối với sản phẩm.

Để thực hiện mô hình rau hữu cơ an toàn sinh học, HTX NNHC Tiên Dương đã xây dựng bộ quy tắc “Sản xuất NNHC vi sinh” có tên gọi Orgavina, áp dụng những kiến thức sẵn có vào quá trình sản xuất, trong đó, dùng hệ vi sinh vật hữu ích tác động tích cực vào quá trình sản xuất, tạo ra vòng hoàn trả, hoàn nguyên dinh dưỡng cho đất, hướng đến sự bền vững về môi trường, kinh tế, xã hội. Đặc biệt, quy tắc Orgavina được xây dựng trên cơ sở tiếp thu các nguyên tắc sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGap); phương pháp sản xuất NNHC của Việt Nam và thế giới, đồng thời, vận dụng kết quả nghiên cứu, sáng chế và ứng dụng bộ chế phẩm sinh học VBIO - Đa Năng (Bio EM 5in1) kết hợp ứng dụng công nghệ CheckVN chứng minh nhật ký đồng ruộng, quản lý hệ thống sản xuất, liên kết chuỗi, kết nối cung cầu, truy xuất nguồn gốc hàng hóa, nhằm

nâng cao chất lượng cũng như năng lực cạnh tranh cho sản phẩm. Ngoài ra, HTX thường xuyên cải tạo độ cân bằng pH và chất dinh dưỡng cho đất, tất cả các loại phân bón sử dụng cho cây trồng đều do HTX tự sản xuất, từ phân chuồng, phế thải hữu cơ trong trồng trọt, chăn nuôi, các loại chế phẩm sinh học, phân xanh. Thuốc trừ sâu hữu cơ cũng được tự chế từ những loài thảo được có sẵn trong tự nhiên, thân thiện với môi trường, không gây độc hại cho người sử dụng. Nhờ đó, sự khác biệt của sản phẩm rau, củ, quả trồng theo “Giải pháp hữu cơ vi sinh Orgavina” dễ dàng nhận thấy bằng cảm quan, màu sắc tươi tắn, quả to đều, cầm chắc tay; khi ăn có vị ngọt tự nhiên; mùi thơm đặc trưng của từng loại rau, củ, quả, hàm lượng chất xơ và vitamin cao... Đặc biệt, toàn bộ các loại rau, củ, quả của HTX sau thu hoạch đều được Phòng Chất lượng và Phát triển thị trường Hà Nội (Sở NN&MT Hà Nội) định kỳ lấy mẫu kiểm tra chất lượng. 100% sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được sơ chế đóng gói, dán tem QR Code, giúp người tiêu dùng dễ dàng truy xuất nguồn gốc chất lượng sản phẩm thông qua điện thoại thông minh có kết nối internet.

Mô hình trồng rau hữu cơ của HTX NNHC Tiên Dương đã được Hội đồng khoa học Liên hiệp TP. Hà Nội nghiệm thu, đánh giá; UBND TP. Hà Nội tặng Bằng khen vào tháng 5/2017 và sản phẩm của mô hình đạt Danh hiệu Thương hiệu vàng nông nghiệp Việt Nam năm 2018. Đặc biệt, được sự quan tâm chỉ đạo, quyết liệt vào cuộc của các cấp chính quyền, nhà khoa học IDE, Liên hiệp hội khoa học kỹ thuật Hà Nội, HTX NNHC Tiên Dương đã chuyển giao, nhân rộng mô hình đến nhiều địa phương khác trên địa bàn Thủ đô. Năm 2018, HTX còn được Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản Hà Nội (Sở NN&PTNT TP. Hà Nội cũ), nay là Phòng Chất lượng và Phát triển thị trường Hà Nội (Sở NN&MT Hà Nội) cấp tài khoản quản lý trên hn.check.net.vn, giúp thành viên của HTX có thể cập nhật nhật ký sản xuất trên app CheckVN dành cho người sản xuất nhằm tìm hiểu thông tin về lô sản xuất, loại cây trồng, vật tư, phân bón và nhấn ok để lưu thông tin, định vị vị trí xác thực vùng trồng, thời gian sản xuất ngay tại đồng ruộng. Ngày 5/4/2019, tại Thông báo số 1886 TB/TU của Thành ủy Hà Nội, mô hình đã nhận được ý kiến chỉ đạo, phối hợp triển khai, nhân rộng của nguyên Phó Bí thư thường trực Thành ủy Hà Nội Ngô Thị Thanh Hằng.

Nhờ quy trình chặt chẽ và minh bạch, từ “cái nôi” Tiên Dương, chuỗi liên kết “5 nhà” tiếp tục phát triển, với diện tích 5.800 m² trồng rau ban đầu của xã viên góp vốn, đến nay đã có nhiều đơn vị phối hợp cùng HTX NNHC Tiên Dương phát triển thành Liên hiệp HTX NNHC và Dược liệu Việt Nam, liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, chủ động nguồn cung đầu vào, bao gồm các loại chế phẩm vi sinh và phân bón hữu cơ để làm nên sản phẩm chất lượng, an toàn. Trong đó phải kể đến mô hình trồng cà chua, su hào, cải bó xôi hữu cơ tại hộ nông dân “Cô Thơ” cho kết quả, chất lượng sản phẩm cao, góp phần gia tăng giá trị hiệu quả kinh tế cho nông sản áp dụng “Giải pháp hữu cơ vi sinh Orgavina” từ 20 - 50% so với ban đầu, nhưng giá thành chi phí đầu vào sản xuất bằng không cao hơn nhiều so với các phương pháp sản xuất hóa học trước kia.



Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

HTX NNHC Tiên Dương bắt tay vào mô hình sản xuất NNHC theo chuỗi liên kết 5 nhà từ năm 2017 và đảm nhận vai trò hỗ trợ chuyển giao công nghệ, kiến thức về sản xuất hữu cơ cho xã viên cũng như giám sát chặt chẽ toàn bộ quy trình sản xuất. Cấu trúc 5 nhà được thiết kế để liên kết chặt và thành công, bao gồm: (i) Nhà quản lý giám sát - hỗ trợ - thúc đẩy; (ii) Nhà khoa học đóng vai trò cố vấn, “dắt tay chỉ việc” để ứng dụng tiến bộ kỹ thuật; (iii) Nhà sản xuất (nông dân) tiên phong thay đổi phương thức canh tác vì lợi ích cộng đồng; (iv) Nhà phân phối kết nối thị trường, đưa sản phẩm đến đúng nhóm khách hàng mục tiêu; (v) Nhà tiêu dùng được đặt ở vị trí trung tâm, “cao nhất” trong chuỗi.

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển HTX NNHC Tiên Dương, có rất nhiều câu hỏi đặt ra: Làm sao để chủ động sản xuất mà không phụ thuộc vào hóa học và nguồn phân bón ngoại nhập? Cách để chứng minh sự khác biệt của sản phẩm NNHC vì sinh do người nông dân sản xuất? Người nông dân không phải kẻ tội đồ làm nên con đường ngắn nhất từ dạ dày đến nghĩa địa cho người tiêu dùng? Làm thế nào để nhiều người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm rau an toàn, chất lượng cao và giá thành hợp lý... Để trả lời những câu hỏi trên, lãnh đạo cùng nhóm các nhà khoa học trẻ của HTX đã nghiên cứu thành công một loại chế phẩm vi sinh, đăng ký sở hữu trí tuệ và được chấp nhận hợp lệ. Đặc biệt, dưới sự giúp đỡ và tham gia trực tiếp của PGS. Dương Văn Hợp (nguyên Viện trưởng Viện Vi sinh vật và công nghệ sinh học - Đại học Quốc gia Hà Nội), nhóm nghiên cứu đã phân lập thành công 5 chủng vi sinh vật bản địa hữu ích để tạo ra một chế phẩm ban đầu. Từ chế phẩm này, HTX đã chế tạo thành công bộ sản phẩm để làm thức ăn phụ trong chăn nuôi, vừa có khả năng cải tạo đất, tăng độ dinh dưỡng cho cây trồng, vừa có khả năng xua đuổi côn trùng, BVMT, với nguyên liệu chính từ hoa quả, thảo mộc và nguồn nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên. Kết quả thử nghiệm cho thấy, giá thành sản phẩm nông nghiệp được sản xuất và chăm sóc bằng chế phẩm VBIO - Đa Năng (BIO EM 5in1) tương đương với sản phẩm được sản xuất bằng phương pháp hóa học nhưng chất lượng sản phẩm vượt trội, an toàn cho người sản xuất cũng như người tiêu dùng. Đặc biệt, chế phẩm sử dụng hiệu quả cả trong trồng trọt, chăn nuôi và xử lý rác thải nên đã được cấp bằng độc quyền sáng chế và đăng ký hợp quy, hợp chuẩn để đủ điều kiện lưu hành theo quy định của Bộ NN&PTNT (nay là Bộ NN&MT).

Bên cạnh đó, ngành Nông nghiệp Hà Nội mà trực tiếp là Sở NN&MT đã tập trung cao độ thực hiện các giải pháp mang tính cấp bách để phát triển kinh tế tập thể nói chung, HTX nông nghiệp nói riêng. Đi đôi với tư vấn, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật, hỗ trợ các HTX xây dựng, tổ chức thực hiện để án, dự án đổi mới phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa; tăng cường hỗ trợ vay vốn cho các HTX từ nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX và nguồn vốn từ chương trình quốc gia giải quyết việc làm; hỗ trợ HTX nông nghiệp trong việc bảo quản và thương mại nông sản, chế biến phụ phẩm nông nghiệp, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần

hoàn; mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa, tăng cường liên kết chuỗi... Đặc biệt, xuất phát từ thực tế hầu hết các HTX nông nghiệp đều do bà con nông dân làm chủ, việc tiếp cận thị trường còn nhiều khó khăn, lúng túng; hoạt động quảng cáo, giới thiệu sản phẩm chưa sâu rộng dẫn đến chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của đơn vị. Vì vậy, Sở NN&MT Hà Nội đã chủ động tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm bằng cách hỗ trợ thiết kế logo, bao bì, ấn phẩm quảng bá nhằm giúp HTX, doanh nghiệp giới thiệu, trưng bày, tiêu thụ nông sản, giống vật tư, thiết bị nông nghiệp, sản phẩm OCOP... Thông qua chương trình hỗ trợ xây dựng hình ảnh, Sở NN&MT Hà Nội đã giúp các HTX, trong đó có HTX Tiên Dương giới thiệu, cung cấp thông tin về HTX cũng như các tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm đến với người tiêu dùng, từ đó mở rộng thị trường tiêu thụ.

Theo ông Nguyễn Đình Hoa, Phó Giám đốc Sở NN&MT Hà Nội, kinh tế tập thể, đặc biệt là các HTX nông nghiệp đã và đang đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng của ngành nông nghiệp Thủ đô. HTX chính là hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, nơi tập hợp nông dân và phát huy sức mạnh tập thể để cùng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, vừa giảm chi phí, vừa nâng cao chất lượng nông sản. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng cùng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, việc củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp là đòi hỏi khách quan, mang tính tất yếu. Chỉ khi HTX phát huy thế mạnh, gắn sản xuất với chuỗi giá trị, đảm bảo truy xuất nguồn gốc và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, nông sản của Hà Nội mới vững bước khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và quốc tế. Đáng chú ý, việc áp dụng nguyên lý hoàn nguyên cho đất, kết hợp sử dụng chế phẩm sinh học thay thế thuốc trừ sâu, phân hóa học đang ngày càng được triển khai rộng rãi như HTX NNHC Tiên Dương, bài toán ô nhiễm môi trường nông thôn chắc chắn sẽ được cải thiện rõ rệt, sản phẩm hàng hóa nông sản sẽ có giá trị cao và sức khỏe người tiêu dùng luôn được bảo vệ.

Tuy nhiên, theo bà Phạm Thị Lý, Giám đốc IDE, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, vấn đề đặt ra hiện nay là khoảng cách giữa nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào thực tế sản xuất NNHC vẫn còn rất lớn, nhiều đề tài nghiên cứu thành công nhưng chậm đi vào đời sống do thiếu cơ chế phù hợp. Do đó, cần có cơ chế, chính sách để rút ngắn khoảng cách từ nghiên cứu đến chuyển giao, đặc biệt với các kết quả nghiên cứu của viện, trường, tổ chức như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ; ưu tiên xây dựng mô hình điểm, mô hình trình diễn tại nông thôn. Đồng thời, xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà khoa học, lực lượng khuyến nông và Hội Nông dân để tăng cường hiệu quả chuyển giao kỹ thuật trong giai đoạn mới; phát triển mô hình “Làng nông nghiệp công nghệ cao” để trình diễn công nghệ mới, đào tạo kỹ thuật và kết nối doanh nghiệp - HTX - nông dân - nhà khoa học, qua đó thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp và nông thôn.

SƠN TÙNG

(Bài viết có sự phối hợp của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)